

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 17/2004/PL-
UBTVQH11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2004

PHÁP LỆNH

Dự trữ quốc gia

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Nghị quyết số 21/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2004;

Pháp lệnh này quy định về dự trữ quốc gia,

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu của dự trữ quốc gia

Dự trữ quốc gia là nguồn dự trữ chiến lược của Nhà nước nhằm chủ động đáp ứng những yêu cầu cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh; tham gia bình ổn thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất bức thiết khác của Nhà nước.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định việc xây dựng, tổ chức quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, tổ chức quản lý, điều hành dự trữ quốc gia.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng dự trữ quốc gia.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động dự trữ quốc gia* là các hoạt động xây dựng và thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách dự trữ quốc gia; xây dựng hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật để quản lý dự trữ quốc gia; điều hành nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ dự trữ quốc gia.
2. *Quỹ dự trữ quốc gia* là khoản tích lũy từ ngân sách nhà nước, do Nhà nước thống nhất quản lý và sử dụng theo quy định của Pháp lệnh này và các văn bản pháp luật có liên quan.
3. *Hàng dự trữ quốc gia* là những vật tư, hàng hoá trong danh mục dự trữ quốc gia.
4. *Dự trữ quốc gia bằng tiền* là khoản tiền dự trữ trong quỹ dự trữ quốc gia được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.
5. *Điều hành dự trữ quốc gia* là các hoạt động về quản lý nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ dự trữ quốc gia.
6. *Tổng mức dự trữ quốc gia* là tổng giá trị quỹ dự trữ quốc gia.
7. *Tổng mức tăng dự trữ quốc gia* là tổng số tiền bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được Quốc hội thông qua dành cho việc tăng quỹ dự trữ quốc gia.
8. *Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia* là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được Chính phủ phân công trực tiếp tổ chức quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia.
9. *Đơn vị dự trữ quốc gia* là tổ chức thuộc bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia.

Điều 5. Tổ chức dự trữ quốc gia

1. Việc tổ chức dự trữ quốc gia phải bảo đảm sự điều hành tập trung, thống nhất vào một đầu mối của Nhà nước, có phân công cho các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Chính phủ.
2. Hệ thống tổ chức dự trữ quốc gia được bố trí ở trung ương và các khu vực, địa bàn chiến lược trong cả nước để kịp thời đáp ứng yêu cầu trong các trường hợp cấp bách, bao gồm cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách thuộc Bộ Tài chính và các đơn vị dự trữ quốc gia thuộc bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia.

Cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách được tổ chức theo hệ thống dọc, gồm bộ phận ở trung ương và các đơn vị ở địa phương theo khu vực.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý, sử dụng quỹ dự trữ quốc gia

1. Quỹ dự trữ quốc gia phải được quản lý chặt chẽ, bí mật, an toàn; chủ động đáp ứng kịp thời yêu cầu trong mọi tình huống; quỹ dự trữ quốc gia sau khi xuất phải được bù lại đầy đủ, kịp thời.

2. Quỹ dự trữ quốc gia phải được sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật; không được sử dụng quỹ dự trữ quốc gia để hoạt động kinh doanh.

Điều 7. Nguồn hình thành quỹ dự trữ quốc gia

Quỹ dự trữ quốc gia được hình thành từ ngân sách nhà nước do Quốc hội quyết định.

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm pháp luật về dự trữ quốc gia

1. Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

a) Xâm phạm quỹ dự trữ quốc gia, phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật, kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

b) Cản trở hoạt động dự trữ quốc gia;

c) Nhập, xuất quỹ dự trữ quốc gia không đúng thẩm quyền;

d) Sử dụng quỹ dự trữ quốc gia sai mục đích, lãng phí;

đ) Lợi dụng việc nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, vận chuyển hàng dự trữ quốc gia để tham ô, trục lợi;

e) Thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái các quy định về quản lý dự trữ quốc gia gây hư hỏng, mất mát tài sản dự trữ quốc gia;

g) Kinh doanh, cầm cố, thế chấp, cho thuê, khai thác trái phép tài sản thuộc dự trữ quốc gia;

h) Tiết lộ bí mật nhà nước về dự trữ quốc gia.

2. Người nào có hành vi vi phạm các quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật về dự trữ quốc gia thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG QUỸ DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 9. Tổng mức dự trữ quốc gia, tổng mức tăng dự trữ quốc gia

1. Tổng mức dự trữ quốc gia được tăng dần hàng năm.
2. Chính phủ trình Quốc hội quyết định tổng mức tăng dự trữ quốc gia hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 10. Phương thức dự trữ quốc gia

1. Dự trữ quốc gia được dự trữ bằng hàng và bằng tiền đồng Việt Nam.
2. Thủ tướng Chính phủ quy định tỷ lệ giữa dự trữ quốc gia bằng hàng và dự trữ quốc gia bằng tiền.

Điều 11. Danh mục hàng dự trữ quốc gia và thẩm quyền quản lý

1. Các mặt hàng đưa vào dự trữ quốc gia phải là những mặt hàng chiến lược, thiết yếu, quan trọng, đáp ứng mục tiêu quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh này.
2. Chính phủ quyết định danh mục hàng dự trữ quốc gia và phân công các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia theo quy định sau đây:
 - a) Bộ Tài chính trực tiếp tổ chức quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ khẩn cấp, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, bình ổn thị trường, ổn định đời sống nhân dân;
 - b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trực tiếp tổ chức quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;
 - c) Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, trừ các bộ quy định tại điểm a và điểm b khoản này, trực tiếp tổ chức quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia khác theo đặt hàng của Nhà nước. Cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách thuộc Bộ Tài chính ký hợp đồng thuê các đơn vị dự trữ quốc gia thuộc bộ, ngành trực tiếp tổ chức bảo quản hàng dự trữ quốc gia quy định tại điểm này.
3. Danh mục hàng dự trữ quốc gia được xác định hàng năm cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước. Định kỳ sáu tháng và hàng

năm, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về danh mục hàng dự trữ quốc gia.

Điều 12. Kế hoạch dự trữ quốc gia

1. Kế hoạch dự trữ quốc gia được xây dựng năm năm, hàng năm và được tổng hợp chung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch dự trữ quốc gia bao gồm:

- a) Mục tiêu, yêu cầu của dự trữ quốc gia;
- b) Khả năng của ngân sách nhà nước;
- c) Dự báo về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế;
- d) Dự báo khác liên quan đến dự trữ quốc gia.

3. Nội dung kế hoạch dự trữ quốc gia bao gồm:

- a) Mức dự trữ tồn kho cuối kỳ, mức dự trữ tồn quỹ cuối kỳ;
- b) Kế hoạch tăng, giảm và luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia;
- c) Đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật;
- d) Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ;
- đ) Cân đối nguồn tài chính cho hoạt động dự trữ quốc gia.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập kế hoạch dự trữ quốc gia để cân đối, tổng hợp trình Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CHI CHO DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 13. Ngân sách chi cho quỹ dự trữ quốc gia

1. Căn cứ vào kế hoạch dự trữ quốc gia và ngân sách được cấp, Bộ Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia chủ động mua hàng dự trữ theo danh mục mặt hàng, số lượng, tiêu chuẩn chất lượng, giá cả, phương thức, thủ tục quy định.

Trường hợp do giá cả thay đổi khi nhập, xuất luân phiên đổi hàng làm giảm số lượng hàng mua theo kế hoạch được duyệt thì bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia